

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
1	2213360248	Phạm Huỳnh Linh	Đan	03/04/2006	02KT14C1	9.0	9.5	9.3		6.3		7.5	Đạt
2	2213240043	Nguyễn Ngọc	Diệu	12/06/2000	02KT14A1	8.0	8.5	8.3		5.4		6.6	Đạt
3	2213240001	Phan Thị Xuân	Đoan	21/09/1997	02KT14A1	8.0	10.0	9.3		9.1		9.2	Đạt
4	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy	Hân	05/07/1998	02KT14A1	9.0	8.0	8.3		7.1		7.6	Đạt
5	2213360292	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	01/09/1999	02KT14C1	6.0	0.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại
6	2213360362	Lê Thị Thanh	Hoa	03/01/2001	02KT14C1	9.0	9.0	9.0		5.4		6.8	Đạt
7	2213360069	Đặng Thị Ngọc	Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		3.4		5.2	Đạt
8	2213360194	Nguyễn Quang	Lễ	22/09/2006	02KT14C1	9.0	7.5	8.0		7.7		7.8	Đạt
9	2193240306	Lê Thị Trúc	Ly	05/02/2001	02KT14A1	10.0	10.0	10.0		7.7		8.6	Đạt
10	2213360158	Bùi Ngọc Thiên	Lý	27/08/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		6.6		7.2	Đạt
11	2213360176	Mai Bích	Ngân	07/10/2006	02KT14C1	3.0	0.0	1.0	TBKT			0.4	Học lại
12	2213240165	Lê Thị Kim	Ngân	28/08/1997	02KT14A1	6.0	6.5	6.3		4.9		5.5	Đạt
13	2213240139	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	25/05/2003	02KT14A1	8.5	9.5	9.2		5.1		6.7	Đạt
14	2213360252	Trần Đỗ Quỳnh	Như	31/07/2006	02KT14C1	7.0	6.5	6.7		4.0		5.1	Đạt
15	2213360222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	8.0	7.0	7.3		3.1		4.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM							
PHÒNG ĐÀO TẠO						Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
16	2213240019	Hà Thị Phương Thảo	13/12/2002	02KT14A1	8.5	6.0	6.8		6.0		6.3	Đạt	
17	2213360141	Nguyễn Thị Minh Thu	31/08/2001	02KT14C1	7.5	8.0	7.8		7.4		7.6	Đạt	
18	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh Thư	01/01/2006	02KT14C1	7.5	7.0	7.2		5.7		6.3	Đạt	
19	2213240081	Đặng Tường Phụng Tiên	07/07/2000	02KT14A1	7.5	7.5	7.5		5.1		6.1	Đạt	
20	2213360193	Nguyễn Ngọc Trâm	27/03/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		6.3		7.0	Đạt	
21	2213240004	Hồ Thị Thu Trang	01/03/2000	02KT14A1	10.0	10.0	10.0		6.9		8.1	Đạt	
22	2213360150	Võ Thị Thư Trang	28/07/1999	02KT14C1	7.0	7.5	7.3		6.6		6.9	Đạt	
23	2213360216	Bùi Xuân Thanh Trúc	03/07/2005	02KT14C1	7.5	7.7	7.6				3.0	Thi lại	
24	2213360032	Huỳnh Nguyễn Phương Uyên	22/07/2005	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		6.9		7.3	Đạt	
25	2213360284	Hồ Huỳnh Phương Uyên	27/10/2005	02KT14C1	9.0	9.0	9.0		5.4		6.8	Đạt	
26	2213360041	Nguyễn Đặng Ái Vy	01/10/2001	02KT14C1	8.0	7.5	7.7		6.0		6.7	Đạt	
27	2203360203	Hà Xuân Mai	07/11/2005	02KT14C1	7.5	7.0	7.2		4.6		5.6	Đạt	

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 2													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0				6.0	6.0
1	2213360248	Phạm Huỳnh Linh	Đan	03/04/2006	02KT14C1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
2	2213240043	Nguyễn Ngọc	Diệu	12/06/2000	02KT14A1	8.3	9.0	8.8		9.3		9.1	Đạt
3	2213240001	Phan Thị Xuân	Đoan	21/09/1997	02KT14A1	8.5	9.4	9.1		9.5		9.3	Đạt
4	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy	Hân	05/07/1998	02KT14A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
5	2213360292	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	01/09/1999	02KT14C1	6.5	6.5	6.5				2.6	Thi lại
6	2213360362	Lê Thị Thanh	Hoa	03/01/2001	02KT14C1	9.0	9.2	9.1		9.3		9.2	Đạt
7	2213360069	Đặng Thị Ngọc	Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	9.1	9.7	9.5		7.3		8.2	Đạt
8	2213360194	Nguyễn Quang	Lễ	22/09/2006	02KT14C1	10.0	9.7	9.8		8.8		9.2	Đạt
9	2193240306	Lê Thị Trúc	Ly	05/02/2001	02KT14A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
10	2213360158	Bùi Ngọc Thiên	Lý	27/08/2006	02KT14C1	7.5	10.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
11	2213360176	Mai Bích	Ngân	07/10/2006	02KT14C1	7.5	6.0	6.5		6.3		6.4	Đạt
12	2213240165	Lê Thị Kim	Ngân	28/08/1997	02KT14A1	7.5	6.0	6.5		9.0		8.0	Đạt
13	2213240139	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	25/05/2003	02KT14A1	10.0	9.7	9.8		4.8		6.8	Đạt
14	2213360252	Trần Đỗ Quỳnh	Như	31/07/2006	02KT14C1	8.0	7.5	7.7		5.5		6.4	Đạt
15	2213360222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	7.5	6.0	6.5		7.3		7.0	Đạt
16	2213240019	Hà Thị Phương	Thảo	13/12/2002	02KT14A1	8.5	7.5	7.8		9.5		8.8	Đạt
17	2213360141	Nguyễn Thị Minh	Thu	31/08/2001	02KT14C1	9.5	10.0	9.8		9.3		9.5	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 2													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
18	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh Thu	01/01/2006	02KT14C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt	
19	2213240081	Đặng Tường Phụng Tiên	07/07/2000	02KT14A1	10.0	9.7	9.8		9.0		9.3	Đạt	
20	2213360193	Nguyễn Ngọc Trâm	27/03/2006	02KT14C1	9.0	8.0	8.3		7.3		7.7	Đạt	
21	2213240004	Hồ Thị Thu Trang	01/03/2000	02KT14A1	10.0	9.7	9.8		9.8		9.8	Đạt	
22	2213360150	Võ Thị Thu Trang	28/07/1999	02KT14C1	7.5	6.0	6.5		9.5		8.3	Đạt	
23	2213360216	Bùi Xuân Thanh Trúc	03/07/2005	02KT14C1	7.5	6.0	6.5		6.0		6.2	Đạt	
24	2213360032	Huỳnh Nguyễn Phương Uyên	22/07/2005	02KT14C1	8.5	8.8	8.7		8.3		8.5	Đạt	
25	2213360284	Hồ Huỳnh Phương Uyên	27/10/2005	02KT14C1	10.0	9.7	9.8		9.3		9.5	Đạt	
26	2213360041	Nguyễn Đặng Ái Vy	01/10/2001	02KT14C1	9.1	9.0	9.0		7.8		8.3	Đạt	
27	2203360246	Đặng Hồng Phúc	10/06/2005	02KT13C1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt	
28	2203240183	Huỳnh Ngọc Thanh Tuyền	16/01/2001	02KT13A1	7.5	6.5	6.8		8.8		8.0	Đạt	
29	2203360189	Trần Hoàng Yên Vy	10/03/2005	02KT13C1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt	
30	2203360313	Nguyễn Ngọc Trâm	05/01/2002	02KT13C1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt	
31	2203240062	Huỳnh Cẩm Như	02/06/1999	02KT13A1	6.5	6.5	6.5		8.8		7.9	Đạt	
32	2193240354	Nguyễn Thúy Hạnh	25/03/1999	02KT13A1	7.5	6.5	6.8		9.3		8.3	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
1	2213360248	Phạm Huỳnh Linh	Đan	03/04/2006	02KT14C1	6.0	7.8	7.2		4.0		5.3	Đạt
2	2213240043	Nguyễn Ngọc	Diệu	12/06/2000	02KT14A1	6.0	7.5	7.0		4.1		5.3	Đạt
3	2213240001	Phan Thị Xuân	Đoan	21/09/1997	02KT14A1	10.0	9.5	9.7		9.9		9.8	Đạt
4	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy	Hân	05/07/1998	02KT14A1	7.0	4.1	5.1		8.3		7.0	Đạt
5	2213360292	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	01/09/1999	02KT14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
6	2213360362	Lê Thị Thanh	Hoa	03/01/2001	02KT14C1	8.0	2.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
7	2213360069	Đặng Thị Ngọc	Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	2.5	2.5	2.5	TBKT			1.0	Học lại
8	2213360194	Nguyễn Quang	Lễ	22/09/2006	02KT14C1	6.0	5.8	5.9		6.0		5.9	Đạt
9	2193240306	Lê Thị Trúc	Ly	05/02/2001	02KT14A1	9.0	8.5	8.7		9.8		9.3	Đạt
10	2213360158	Bùi Ngọc Thiên	Lý	27/08/2006	02KT14C1	5.0	8.3	7.2		7.6		7.4	Đạt
11	2213360176	Mai Bích	Ngân	07/10/2006	02KT14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
12	2213240165	Lê Thị Kim	Ngân	28/08/1997	02KT14A1	9.0	8.2	8.5		7.0		7.6	Đạt
13	2213240139	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	25/05/2003	02KT14A1	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
14	2213360252	Trần Đỗ Quỳnh	Như	31/07/2006	02KT14C1	5.0	2.5	3.3	TBKT			1.3	Học lại
15	2213360222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	6.5	7.0	6.8		4.2		5.3	Đạt
16	2213240019	Hà Thị Phương	Thảo	13/12/2002	02KT14A1	7.0	9.0	8.3		7.9		8.1	Đạt
17	2213360141	Nguyễn Thị Minh	Thu	31/08/2001	02KT14C1	5.0	7.0	6.3		6.9		6.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
18	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/01/2006	02KT14C1	7.5	7.3	7.4		4.6		5.7	Đạt
19	2213240081	Đặng Tường Phụng	Tiên	07/07/2000	02KT14A1	8.0	4.1	5.4		8.8		7.4	Đạt
20	2213360193	Nguyễn Ngọc	Trâm	27/03/2006	02KT14C1	5.0	2.5	3.3	TBKT			1.3	Học lại
21	2213240004	Hồ Thị Thu	Trang	01/03/2000	02KT14A1	8.0	5.8	6.5		7.9		7.4	Đạt
22	2213360150	Võ Thị Thư	Trang	28/07/1999	02KT14C1	2.5	2.5	2.5	TBKT			1.0	Học lại
23	2213360216	Bùi Xuân Thanh	Trúc	03/07/2005	02KT14C1	4.3	4.3	4.3	TBKT			1.7	Học lại
24	2213360032	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	22/07/2005	02KT14C1	9.0	2.5	4.7	TBKT			1.9	Học lại
25	2213360284	Hồ Huỳnh Phương	Uyên	27/10/2005	02KT14C1	6.0	8.3	7.5		7.6		7.6	Đạt
26	2213360041	Nguyễn Đặng Ái	Vy	01/10/2001	02KT14C1	7.0	8.1	7.7		7.8		7.8	Đạt
27	2203360203	Hà Xuân	Mai	07/11/2005	02KT14C1	5.0	3.1	3.7	TBKT			1.5	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0					
1	2213360248	Phạm Huỳnh Linh Đan	03/04/2006	02KT14C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
2	2213240043	Nguyễn Ngọc Diệu	12/06/2000	02KT14A1	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
3	2213240001	Phan Thị Xuân Đoan	21/09/1997	02KT14A1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
4	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy Hân	05/07/1998	02KT14A1	9.5	9.0	9.2		7.5		8.2	Đạt
5	2213360292	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	01/09/1999	02KT14C1	9.0	8.0	8.3				3.3	Thi lại
6	2213360362	Lê Thị Thanh Hoa	03/01/2001	02KT14C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
7	2213360069	Đặng Thị Ngọc Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
8	2213360194	Nguyễn Quang Lễ	22/09/2006	02KT14C1	8.5	7.0	7.5		8.0		7.8	Đạt
9	2193240306	Lê Thị Trúc Ly	05/02/2001	02KT14A1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
10	2213360158	Bùi Ngọc Thiên Lý	27/08/2006	02KT14C1	8.5	7.0	7.5		6.5		6.9	Đạt
11	2213360176	Mai Bích Ngân	07/10/2006	02KT14C1	8.0	8.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
12	2213240165	Lê Thị Kim Ngân	28/08/1997	02KT14A1	8.5	8.5	8.5		7.5		7.9	Đạt
13	2213240139	Nguyễn Huỳnh Ái Nhi	25/05/2003	02KT14A1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
14	2213360252	Trần Đỗ Quỳnh Như	31/07/2006	02KT14C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
15	2213360222	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
16	2213240019	Hà Thị Phương Thảo	13/12/2002	02KT14A1	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
17	2213360141	Nguyễn Thị Minh Thu	31/08/2001	02KT14C1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
18	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh Thư	01/01/2006	02KT14C1	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
19	2213240081	Đặng Tường Phụng Tiên	07/07/2000	02KT14A1	8.5	7.0	7.5		6.5		6.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
20	2213360193	Nguyễn Ngọc Trâm	27/03/2006	02KT14C1	8.0	6.0	6.7		3.0		4.5	Đạt
21	2213240004	Hồ Thị Thu Trang	01/03/2000	02KT14A1	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt
22	2213360150	Võ Thị Thư Trang	28/07/1999	02KT14C1	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2	Đạt
23	2213360216	Bùi Xuân Thanh Trúc	03/07/2005	02KT14C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
24	2213360032	Huỳnh Nguyễn Phương Uyên	22/07/2005	02KT14C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
25	2213360284	Hồ Huỳnh Phương Uyên	27/10/2005	02KT14C1	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
26	2213360041	Nguyễn Đặng Ái Vy	01/10/2001	02KT14C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: THUẾ VÀ THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	2213360248	Phạm Huỳnh Linh	Đan	03/04/2006	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
2	2213240043	Nguyễn Ngọc	Diệu	12/06/2000	02KT14A1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
3	2213240001	Phan Thị Xuân	Đoan	21/09/1997	02KT14A1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
4	2213240209	Nguyễn Ngọc Duy	Hân	05/07/1998	02KT14A1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
5	2213360292	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	01/09/1999	02KT14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
6	2213360362	Lê Thị Thanh	Hoa	03/01/2001	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
7	2213360069	Đặng Thị Ngọc	Huỳnh	25/09/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		3.0		5.0	Đạt
8	2213360194	Nguyễn Quang	Lễ	22/09/2006	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
9	2193240306	Lê Thị Trúc	Ly	05/02/2001	02KT14A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
10	2213360158	Bùi Ngọc Thiên	Lý	27/08/2006	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
11	2213360176	Mai Bích	Ngân	07/10/2006	02KT14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
12	2213240165	Lê Thị Kim	Ngân	28/08/1997	02KT14A1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
13	2213360378	Đặng Thanh	Nhàn	24/02/2000	02KT14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
14	2213240139	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	25/05/2003	02KT14A1	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
15	2213360252	Trần Đỗ Quỳnh	Như	31/07/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
16	2213360222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/10/2006	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
17	2213240019	Hà Thị Phương	Thảo	13/12/2002	02KT14A1	9.0	9.0	9.0		5.0		6.6	Đạt
18	2213360141	Nguyễn Thị Minh	Thu	31/08/2001	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
19	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/01/2006	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
20	2213240081	Đặng Tường Phụng	Tiên	07/07/2000	02KT14A1	8.0	8.0	8.0		4.0		5.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: THUẾ VÀ THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
21	2213360193	Nguyễn Ngọc	Trâm	27/03/2006	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
22	2213240004	Hồ Thị Thu	Trang	01/03/2000	02KT14A1	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
23	2213360150	Võ Thị Thư	Trang	28/07/1999	02KT14C1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
24	2213360216	Bùi Xuân Thanh	Trúc	03/07/2005	02KT14C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt
25	2213360032	Huỳnh Nguyễn Phươn	Uyên	22/07/2005	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
26	2213360284	Hồ Huỳnh Phương	Uyên	27/10/2005	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		4.0		5.6	Đạt
27	2213360041	Nguyễn Đặng Ái	Vy	01/10/2001	02KT14C1	8.0	8.0	8.0		3.0		5.0	Đạt